

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG

Số: 990 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Vang, ngày 24 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hoà Phú (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố về ban hành quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, mô mã, thành phần công việc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 của HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND thành phố về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung năm 2024 của thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Hòa Vang Về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định



cư Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Hòa Vang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền bồi thường hỗ trợ về đất dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Hoà Vang về việc phê duyệt kết quả phúc tra hồ sơ kiểm đếm dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng;

Thực hiện Thông báo số 424/TB-VP ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng UBND thành phố kết luận cuộc họp giao ban của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố tại mục số 3 thống nhất chủ trương bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất nông nghiệp khi kiểm đếm là đất trống do mới thu hoạch mùa vụ xong chưa canh tác lại đối với các dự án trên địa bàn huyện Hòa Vang;

Theo nội dung Biên bản họp của Hội đồng bồi thường về việc xác định tính pháp lý về đất và tài sản gắn liền trên đất đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo Tờ trình số 591/TTr-BGPMB ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ban Giải phóng mặt bằng huyện về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt giá trị bồi thường dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hoà Phú (đợt 1);

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Hòa Vang tại Tờ trình số 156/TTr-NNMT ngày 20/03/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết cho 12 hộ sơ thuộc dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hoà Phú (đợt 1):

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hoà Phú (đợt 1) (Đối với đất nông nghiệp)

a) Tổng diện tích đất thu hồi (tổng hợp các phương án chi tiết tại khoản 2 Điều này), diện tích từng loại đất thu hồi:

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 289.600 m².

b) Tổng số người có đất thu hồi: Sơ bộ khoảng 370 hộ gia đình, cá nhân.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 17 và Điều 24 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.

d) Phương án bố trí tái định cư: Các hồ sơ phê duyệt tại Quyết định này là đất nông nghiệp, không bố trí tái định cư.

đ) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có hồ sơ mộ

e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.

g) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: Thực hiện theo Điều 36 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện Hòa Vang về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, dự kiến hoàn thành 30/9/2025.

i) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Nêu tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

j) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản

a) Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có); Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi; Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại; Giá đất và tài sản tính bồi thường: đính kèm phụ lục, cụ thể:

Giá trị phê duyệt: 695.122.600 đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

b) Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có):

- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh sẽ phê duyệt bổ sung sau.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Đính kèm phụ lục.

c) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: tiền bồi thường về đất, tiền bồi thường tài sản, tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản, tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, tiền hỗ trợ: 695.122.600 đồng.

d) Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có;

e) Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

f) Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

g) Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có): Không có.

h) Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 695.122.600 đồng

i) Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không có

3. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND xã Hòa Phú

Phối hợp với Ban Giải phóng mặt bằng phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Ban Giải phóng mặt bằng huyện Hòa Vang

Giao Ban Giải phóng mặt bằng huyện Hòa Vang, trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này:

- Phối hợp với UBND xã Hoà Phú phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND xã Hoà Phú và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

- Thông báo nhận tiền (kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường) cho hộ có tên tại danh sách kèm theo Quyết định này và tổ chức thực hiện chi trả theo quy định. Sau khi hoàn thành công tác chi trả, đơn vị phải lập thủ tục báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra các kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của các hồ sơ, đảm bảo không trình phê duyệt trùng lặp.

- Lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khối lượng công việc thực tế và quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có): Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất cho Ban Giải phóng mặt bằng quản lý để thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Hoà Vang; Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Hoà Vang; Giám đốc Ban Giải phóng mặt bằng huyện Hoà Vang; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Đà Nẵng; Chủ tịch UBND xã Hoà Phú; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và trường hợp giải toả có tên trong danh sách kèm theo căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NNMT (Lý).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Khoa

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐÈN BÙ THIẾT HẠI

Dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng xã Hoà Phú (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Hoà Vang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số HS	Đất	Cây cối hoa màu	Hỗ trợ khác	Tổng	Ghi chú
1	Phùng Tấn Nhân (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	01 PHu	17.202.820	16.605.000	47.260.500	81.068.320	
2	Nghiêm Thanh Hiền (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	06 HPu					Đất trống
3	Hộ: Nguyễn Nhân	Xã Hoà Phú	07 HPu	23.481.780		111.818.000	135.299.780	
4	Hộ: Nguyễn Xuân	Xã Hoà Phú	08 HPu	5.772.690		27.489.000	33.261.690	
5	Nguyễn Thị Hải	Xã Hoà Phú	11 HPu	62.357.400		296.940.000	359.297.400	Đất trống
6	Lê Minh + Mạc Thị Vân (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	15 HPu					Đất trống
7	Lê Thị Long (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	17 HPu					Đất trống
8	Lê Thị Long (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	20 HPu					Đất trống
9	Thiều Thị Quý	Xã Hoà Phú	23 HPu	11.926.110		74.269.300	86.195.410	Đất trống
10	Trần Thanh Quyên (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	26 HPu					Đất trống
11	Trần Thanh Quyên (Sản Xuất)	Xã Hoà Phú	31 HPu					Đất trống
12	Trần Thị Liễu Người Nhận Chuyển N	Xã Hoà Phú	32 HPu					Đất trống
Tổng				120.740.800	16.605.000	557.776.800	695.122.600	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Kèm theo Quyết định số 520 /QĐ-UBND ngày 21/03/2025 của UBND huyện Hòa Vang)

I/ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN KÈ CHỐNG SẠT LỞ KHẨN CẤP TẠI VỊ TRÍ XUNG YẾU CÁC TUYẾN SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- 1) Tổng diện tích đất thu hồi: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 289.600 m2.
- 2) Tổng số người có đất thu hồi: Sơ bộ khoảng 370 hộ gia đình, cá nhân.
- 3) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 17 và Điều 24 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.
- 4) Phương án bố trí tái định cư: Các hồ sơ phê duyệt tại Quyết định này là đất nông nghiệp, không bố trí tái định cư.
- 5) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: không có.
- 6) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.
- 7) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: Thực hiện theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.
- 8) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Hòa Vang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- 9) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Nêu tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này.
- 10) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

II. CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT

ST T	Họ và tên	Số HS	DTSD (m ²)	DTTH (m ²)	DTC L (m ²)	Giấy tờ nguồn gốc sử dụng đất	Loại hạng đất và mức bồi thường thiệt hại	Tổng số tiền đền bù (đồng)	Nội dung phê duyet bố trí đất TĐC theo phương án GTĐB
1.	UBND xã Hoà Phú - Phùng Tấn Nhân (sản xuất) CCCD: 049062001228	1HPu	10644. 7 232/33	192.9 Trong đó HTKT: 74.4 m ²	10447 .3	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất do UBND xã quản lý, hộ ông Phùng	- Bồi thường 100% giá đất cây lâu năm (đơn giá theo Quyết định phê duyet giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của UBND huyện) cho DT:	81.068.320 	Không 

	Thôn Đông Lâm, Hòa Phú					Tấn Nhân tự khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004. Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc đất không thể hiện thửa tờ bản đồ số 13. Hộ khẩu địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp. - Hiện trạng: dừa, sung, chuối, tre...	192,9m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 49.000đ/m². - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.		
2.	UBND xã Hoà Phú - Nghiêm Thanh Hiền (sản xuất) CCCD: 048067005625 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	6HPu	1823.5	1242.9 Trong đó HTKT: 139.1 m ²	580.6	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất công ích do UBND xã quản lý. Ông Nghiêm Thanh Hiền có hộ khẩu địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó. - Hiện trạng: đất trồng.	- Không bồi thường về đất cho diện tích 1.242,9 m² .	Không	Không
3.	Hộ Nguyễn Nhận CCCD: 048167003267 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	7HPu	668.3	228.2 Trong đó HTKT: 55.2 m ²	440.1	Hộ Nguyễn Nhận được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00483 ngày 08/7/1996 tại thửa 276/13; DT: 1.468,0m² đất màu. - Đối chiếu BĐ64/CP thửa 276/13 DT: 1.468m² đất M do Ông Nguyễn Nhận kê khai.	- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá theo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của UBND huyện) cho DT: 228,2m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại	135.299.780	Không



- Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất có GCN-QSD đất. Hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Vụ trước trồng màu. Tại thời điểm kiểm đếm đất trồng do vừa mới thu hoạch xong, chưa tới mùa vụ sản xuất.
- **Hiện trạng:** đất trồng.

QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m².
- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.

4.	Hộ Nguyễn Xuân CCCD: 048062002422 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	8HPu	272.1 06/40	56.1 Trong đó HTKT: 18.3 m ²	216.0	Hộ Nguyễn Xuân được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00444 ngày 08/7/1996 tại thửa 274/13; DT: 432,0m² đất màu. - Đối chiếu BĐ64/CP thửa 274/13 DT: 432m ² đất M do Ông Nguyễn Xuân kê khai. - Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất có GCN-QSD đất. Hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Vụ trước trồng đậu, mè. Tại thời điểm	- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá theo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của UBND huyện) cho DT: 56,1m² . - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m ² . - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.	33.261.690	Không
----	--	------	--------------------	---	-------	---	--	------------	-------

						kiểm đếm đất trồng do vừa mới thu hoạch xong, chưa tới mùa vụ sản xuất. - Hiện trạng: đất trồng.			
5.	Nguyễn Thị Hải Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	11HPu	1026.4 04/40	606.0 Trong đó HTKT: 71.2 m ²	420.4	Bà Nguyễn Thị Hải được Sở TNMT TP cấp giấy CNQSD đất số BK 432663 ngày 23/10/2012 tại thửa 272/13; DT: 1.792,0m² đất trồng cây hàng năm khác. - Đối chiếu BD64/CP thửa 272/13 DT: 1.792 m² đất M do bà Đinh Thị Tham kê khai. - Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất có GCN-QSD đất. Hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Vụ trước trồng đậu, mè. Tại thời điểm kiểm đếm đất trồng do vừa mới thu hoạch xong, chưa tới mùa vụ sản xuất. - Hiện trạng: đất trồng.	* Quy chủ lại cho bà Nguyễn Thị Hải - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá theo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của UBND huyện) cho DT: 606,0m². - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m². - Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.	359.297.400	Không

6.	UBND xã Hoà Phú - Lê Minh + Mạc Thị Vân (sản xuất) CCCD: 048067005939 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	15HPu	424.3 493/34	127.0 Trong đó HTKT: 44.5 m ²	297.3	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất do UBND xã quản lý, hộ ông Lê Minh tự khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 . Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13, đất sông suối. Hộ khẩu địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp . - Hiện trạng: đất trống	- Không bồi thường về đất cho diện tích 127,0 m² .	Không	Không
7.	UBND xã Hoà Phú - Lê Thị Long CCCD: 048154003401 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	17HPu	1400.3 474/34	188.7 Trong đó HTKT: 58.0 m ²	1211.6	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất do UBND xã quản lý, bà Lê Thị Long tự khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 . Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13, đất sông suối. Hộ khẩu địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp . - Hiện trạng: đất trống	- Không bồi thường về đất cho diện tích 188,7 m² .	Không	Không
8.	UBND xã Hoà Phú - Lê Thị Long	20HPu	1210.0 443/34	160.0 Trong đó HTKT:	1050.0	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải	- Không bồi thường về đất cho diện tích 160,0 m² .	Không 	Không 

	CCCD: 048154003401			61.0 m ²		tỏa, nội dung: Đất do UBND xã quản lý, hộ ông Lê Minh tự khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 . Đối chiếu BD 64/CP thuộc thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13, đất sông suối. Hộ khẩu địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp . - Hiện trạng: đất trồng			
	Thôn Đông Lâm, Hòa Phú								
9.	Thiều Thị Quý CCCD: 048153003038 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	23HPu	572.1 435/34	234.8 Trong đó HTKT: 94.5 m ²	337.3	Hộ Phạm Đình Khải được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00482 ngày 08/7/1996 tại thửa 241/13; DT: 556,0m² ; đất màu. Bà Thiều Thị Quý nhận thừa kế được CN VPĐK xác nhận ngày 29/01/2016 - Đối chiếu BD64/CP thửa 241/13 DT: 556m ² đất M do Ông Phạm Đình Khải kê khai. - Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất có GCN-QSD đất. Bà Thiều Thị Quý có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó. Phần diện tích thu hồi trên 03 thửa đất: 240, 241, 303/13; phần diện tích ngoài	- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá theo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của UBND huyện) cho DT: 115,9m² . - Không bồi thường về đất cho diện tích 118,9m² . - Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m ² cho diện tích 115,9m² . - Hỗ trợ 30% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 3 điều 24 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m ² cho diện tích	86.195.410	Không



GCN sử dụng trước ngày 01/7/2004. Vụ trước trồng đậu, mè. Tại thời điểm kiểm đếm đất trồng do vừa mới thu hoạch xong, chưa canh tác.
 - HĐ xác định:
 + DTTH trong GCN: 102,5 m²;
 + DTTH thuộc thửa đất hoang 240/13: 13,4 m²;
 + DTTH thuộc thửa đất sông 303/13: 118,9 m².
 - **Hiện trạng:** đất trồng.

118,9m².

- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN cho diện tích: **102,5m².**

10.	UBND xã Hoà Phú - Trần Thanh Quyền (sản xuất) CCCD: 046084009139 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	26HPu	1083.0 441/34	30.2	1052.8	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất do UBND xã quản lý, ông Trần Thanh Quyền sử dụng sau ngày 01/7/2014 . Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa đất số 303/13; đất sông suối. Hộ không có hộ khẩu thường trú tại địa phương. - Hiện trạng: đất trồng	- Không bồi thường về đất cho diện tích 30,2m².	Không	Không
11.	UBND xã Hoà Phú - Trần Thanh Quyền (sản xuất) CCCD: 046084009139	31HPu	250.1 09/41	115.7 Trong đó HTKT: 28.0 m ²	134.4	- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất do UBND xã quản lý (đất công ích xã).	- Không bồi thường về đất cho diện tích 115,7 m².	Không 	Không 

	Thôn Đông Lâm, Hòa Phú					ông Trần Thanh Quyền đang sản xuất. Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa đất số 141/13; đất sông suối. Hộ không có hộ khẩu thường trú tại địa phương. - Hiện trạng: đất trống			
12.	Trần Thị Liễu - Người nhận chuyển nhượng: Trần Thanh Quyền – Nguyễn Thị Bé CCCD: 046084009139 Thôn Đông Lâm, Hòa Phú	32HPu	994.9 23/41	9.5	985.4	Hộ Trần Thị Liễu được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00476 ngày 08/7/1996 tại thửa 316/13; DT: 1.000,0m²; đất màu. Ông Trần Thanh Quyền nhận chuyển nhượng QSDĐ theo HĐ được VPCC Trần Thị Thanh Bông chứng thực ngày 26/12/2023, chưa đăng ký biến động. - Đối chiếu BĐ64/CP thửa 316/13 DT: 556m² đất M do bà Trần Thị Liễu kê khai. - Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất có CCN-QSD đất. Hiện nay, ông Trần Thanh Quyền và bà Nguyễn Thị Bé nhận chuyển nhượng theo HĐ công chứng số 4940, quyền số 01/2023. Hộ không có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Phần DTTH thuộc thửa đất số 144/13 thuộc đất	- Không bồi thường về đất cho diện tích 9,5m² .	Không	Không

			công ích do UBND xã quản lý. - Hiện trạng: đất trống.			
--	--	---	--	--	--	--

1. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.
2. Các nội dung khác có liên quan (nếu có): Không./.

PHÒNG
NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Mai Phương

NGƯỜI LẬP BIỂU

Giá trị bồi thường

Hoàng Thị Minh Uyên

Tái định cư

Trần Văn Tấn

Nguyễn Tấn Khoa

BAN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
P.GIÁM ĐỐC

Chế Bồng Hoàn